

Những nỗ lực của người Việt trong lĩnh vực tài chính ở Nam kì thời thuộc địa: trường hợp Việt Nam ngân hàng (Société annamite de crédit)

Võ Phúc Toàn*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Võ Phúc Toàn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: vophuctoan@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 3/11/2020
- Ngày chấp nhận: 17/03/2021
- Ngày đăng: 31/03/2021

DOI: 10.32508/stdjssh.v5i1.651



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



TÓM TẮT

Ở xã hội thời phong kiến, người Việt xem trọng việc đồ đạt khoa cử và nông nghiệp. Thương mại và thủ công nghiệp chỉ được xem là thứ yếu trong tư duy kinh tế của người Việt. Cho nên khi chủ nghĩa tư bản theo con đường thực dân vào Việt Nam, người Việt trở thành cộng đồng thích ứng chậm với những biến đổi diễn ra trên trường kinh tế. Trong số những khó khăn của quá trình thay đổi tư duy và sinh hoạt kinh tế, ngành tài chính ngân hàng được xem như lĩnh vực hạn chế nhất của người Việt thời thuộc địa. Từ thực tế đó, năm 1912, mô hình Nông nghiệp tương tế hội ra đời ở Nam kì được xem là những thể nghiệm đầu tiên của người Việt trong việc thành lập các tổ chức tài chính chuyên nghiệp. Tuy nhiên, do tiềm lực kinh tế còn hạn chế, các hội nông nghiệp tương tế này lại phụ thuộc rất lớn vào nguồn vốn của Ngân hàng Đông Dương. Đến năm 1919, với tinh thần dân tộc đang dâng cao trong phong trào tẩy chay Hoa kiều, kế hoạch thành lập một tổ chức tài chính tên là Việt Nam Ngân hàng đã xuất hiện nhưng không thành công. Phải 8 năm sau, năm 1927, Việt Nam Ngân hàng mới chính thức được thành lập, trở thành ngân hàng đầu tiên của người Việt, phản ánh nỗ lực xây dựng một cơ sở tài chính độc lập với tư sản ngoại kiều. Sự ra đời này là sản phẩm kết tinh của sức mạnh kinh tế và tinh thần dân tộc đang dâng cao trong phong trào yêu nước của giới tinh hoa bản xứ cuối thập niên 1920.

Từ khoá: Nông nghiệp tương tế hội, Việt Nam Ngân hàng (Société annamite de crédit), Nam kì, giới tinh hoa bản xứ, chủ nghĩa dân tộc

GIỚI THIỆU

Trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, việc mở rộng đầu tư, nâng cao năng suất lao động rất cần đến các tổ chức tài chính. Hoạt động cho vay của các ngân hàng giúp tiền tệ được lưu thông từ nơi nhàn rỗi đến nơi cần, từ đó tiền tệ sinh ra lợi nhuận. Trong thời kì thuộc địa hóa, sau nhiều cuộc vận động kêu gọi thay đổi tư duy kinh tế, người Việt bắt đầu chú trọng đến thương mại và kỹ nghệ. Tuy nhiên, các cơ sở tài chính dù lớn hay nhỏ ở Đông Dương đều nằm trong tay doanh nghiệp nước ngoài. Chính từ thực tế này, để giảm sự phụ thuộc vào các tổ chức tín dụng nước ngoài, một quá trình vận động thành lập cơ sở tài chính đầu tiên của người Việt đã được khởi động trong gần 30 năm đầu thế kỷ XX. Đến năm 1927, ngân hàng đầu tiên của người Việt mới xuất hiện.

Tài chính – một vùng trũng trong kinh tế người Việt thời thuộc địa

Năm 1858, người Pháp mở đầu quá trình xâm lược Việt Nam. Những diễn tiến sau đó của quá trình thuộc địa hóa đã từng bước củng cố sự hiện diện của chủ nghĩa tư bản Pháp ở Việt Nam. Là thuộc địa khai

thác, thị trường Việt Nam dần bị giới doanh nghiệp Pháp thâm tóm, nắm các ngành kinh tế then chốt. Các cơ sở sản xuất vận hành theo mô hình kinh tế tư bản chủ nghĩa đã bắt đầu xuất hiện ở Việt Nam, trước hết là ở Nam kì. Năm 1864, công binh xưởng Ba Son (Arsenal) được xây dựng trên nền xưởng đóng thuyền cũ ở Gia Định. Tiếp theo đó, một số cơ sở công nghiệp chế biến được xây dựng ở khu vực Sài Gòn – Chợ Lớn như nhà máy rượu bia (1874), nhà máy cưa (1875), nhà máy kéo sợi (1876). Tính đến năm 1895, Nam kì có tới 200 xưởng xay xát gạo, chuyên chế biến gạo xuất khẩu, trong đó có 2 nhà máy chạy bằng đầu máy hơi nước [1, tr.30]. Đặc biệt là lĩnh vực tài chính, để điều hành nền tài chính tiền tệ ở Đông Dương, người Pháp lại không thành lập một ngân hàng công lập mà cho giới doanh nghiệp tư nhân Pháp thành lập Ngân hàng Đông Dương vào năm 1875 với hai chi nhánh đầu tiên ở Nam kì và Ấn Độ. Ngân hàng Đông Dương có đặc quyền phát hành giấy bạc và cho vay tín dụng. Như thế, Ngân hàng Đông Dương vừa có tính chất ngân hàng nhà nước trong việc điều hành tỷ giá, phát hành tiền tệ vừa mang bản chất kinh doanh của ngân hàng tư nhân. Chính đặc quyền phát hành tiền tệ đã giúp

Trích dẫn bài báo này: Toàn V P. Những nỗ lực của người Việt trong lĩnh vực tài chính ở Nam kì thời thuộc địa: trường hợp Việt Nam ngân hàng (Société annamite de crédit). *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 5(1):975-985.

cho ngân hàng này dễ dàng kiểm soát nền tài chính của Đông Dương và tái đầu tư vào các ngành nghề chủ yếu của nền kinh tế thuộc địa. Các chi nhánh của nó nhanh chóng được mở trong cả nước: Hải Phòng (1885), Hà Nội (1887), Đà Nẵng (1891).

Không chỉ vậy, chính sách khai thác kinh tế thuộc địa của người Pháp đã tạo điều kiện cho người Hoa và người Ấn đến định cư và làm ăn ở Đông Dương. Ấn kiều từ Pondicherry và Karikal di dân đến Nam kì làm ăn họ có thể là người Pháp gốc Ấn hoặc người Anh gốc Ấn. Đỉnh điểm số lượng người Ấn ở Nam kì lên đến 7.000 người (0,2% dân số) trong thập niên 1920. Những thương nhân Sindi người Ấn thường hoạt động trong ngành dệt may. Còn người Ấn Hindu thì có khoảng 300 người làm trong lĩnh vực cho vay tín dụng (người Chà chettys) hay nhân viên ngân hàng trong thập niên 1930 [2, tr.121-122]. Đặc biệt, người Hoa đã nhanh chóng trở thành một thế lực kinh tế lớn ở Đông Dương chỉ sau người Pháp. Họ được hưởng nhiều ưu đãi trong việc nhập cư, được tạo điều kiện tự do kinh doanh ở Đông Dương. Hiệp ước thương mại Bắc kì giữa Pháp và Trung Quốc ngày 25/4/1886 cho phép người Hoa đến làm ăn, buôn bán, xây nhà, kho bãi trong toàn lãnh thổ Việt Nam. Họ nhận được sự bảo vệ của chính phủ Pháp về các quyền tư hữu, thân nhân, hàng hóa như người châu Âu và đổi lại, người Pháp cũng được hưởng các đặc quyền tương tự trong lãnh thổ của Trung Quốc [3, tr.136-137]. Trong phiên họp ngày 03/8/1900, Hội đồng Quản hạt Nam kì còn ra quyết định miễn cho người Hoa tiền đăng bạ trong năm đầu tiên đến làm ăn ở Nam kì [4, tr.112]. Với sự mở cửa của Pháp cho Hoa kiều từ Singapore, Malaysia, Hong Kong đến làm ăn và xây dựng nhà máy, thị trường lúa gạo Nam kì nhanh chóng bị thâm tóm vào tay những Hoa thương quốc tế có tiềm lực tài chính mạnh, sẵn sàng nắm lấy hệ thống thu mua lúa gạo rộng khắp vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Ngược lại với sự phát triển của các cộng đồng ngoại kiều ở Đông Dương, cộng đồng người Việt bản xứ lại thích ứng khá chậm với con đường làm ăn kiểu mới. Trong nền kinh tế Việt Nam truyền thống, yếu tố sản xuất nhỏ theo hộ gia đình kéo dài, tạo nên sự trì trệ trong sinh hoạt kinh tế của người Việt. Nền thủ công nghiệp của người Việt dù đạt được nhiều thành tựu về kỹ nghệ tạo tác nhưng vẫn nằm trong khuôn khổ của kinh tế gia đình. Việc chuyên môn hóa lao động đã diễn ra nhưng tính chất gia đình làm cho các kinh nghiệm, bí quyết sản xuất thường chỉ lưu truyền nội bộ nên các cơ sở thủ công nghiệp khó mở rộng về mặt quy mô. Người đàn ông trong xã hội Việt truyền thống chủ yếu quan tâm đến con đường khoa cử và nông nghiệp. Nền thương mại cũng diễn ra trong khung cảnh này. Hoạt động buôn bán thường bị xem

thường và dành cho người phụ nữ trong gia đình lo liệu:

“Sự buôn bán chỉ cốt để đổi chác những vật thổ sản, mà công nghiệp lại không phát đạt, cho nên thương mại cũng không phát đạt. Những người buôn chuyên ở các chợ phần nhiều là đàn bà nhà nông, khi rảnh việc đi buôn để kiếm thêm đồng lời. Có người đi cả ngày đến tối về nhà tính chỉ lời đầu vài xu. Ở chợ nào việc buôn bán có hơi quan trọng là thấy có một vài nhà buôn bán Hoa kiều lũng đoạn lợi quyền.” [5, tr.48]

Tính chất này của nền kinh tế Việt Nam thời kì tiền thuộc địa khiến các tổ chức tài chính phục vụ việc mở rộng sản xuất ra đời chậm chạp. Hình thức cho vay lãi dưới dạng tín dụng dân gian như hò (hụi) dù tồn tại lâu đời cũng chỉ mang tính chất nhỏ, lẻ ở phạm vi địa phương không hình thành nên những cơ sở cung cấp dịch vụ tín dụng chuyên nghiệp^{a6}. Trong khi đó ở Trung Quốc, loại hình tiền trang được thư tịch ghi nhận sớm nhất dưới thời Minh^{b7}. Hiện nay, chúng ta vẫn không đủ tư liệu để biết mô hình này có theo chân các đoàn di dân người Hoa vào Việt Nam trong thời kì tiền thuộc địa hay không.

Bước vào thời kì thuộc địa, trước sự du nhập của phương thức tư bản chủ nghĩa và ưu thế của các cộng đồng ngoại kiều trong kinh tế, nhiều lời kêu gọi, làn sóng vận động người Việt thức tỉnh chú ý vào con đường thực nghiệp, từ bỏ lối học làm quan, vinh thân phì gia liên tiếp nổi dậy. Các phong trào Duy Tân, Minh Tân diễn ra đã dẫn thức tỉnh giới tinh hoa^c người Việt chú trọng hơn vào kinh tế, phá bỏ quan niệm tứ dân (sĩ, nông, công, thương) bảo thủ, trì trệ. Khi mở rộng sản xuất, đi theo con đường kinh doanh tư bản chủ nghĩa, vấn đề về vốn đã được các trí thức cấp tiến đầu thế kỷ XX đặt ra. Tân Dân Tử trên tờ *Nông cổ mín đàm* đã kêu gọi thành lập ngân hàng của người Việt để tránh lệ thuộc vào nguồn tài chính của người Hoa và người Ấn:

“Người bốn quốc ta mắng có tánh nghi nan đổ kỵ nhau, nên không đồng tâm hiệp lực mà kinh dinh cuộc thương mại chỉ với người ngoại quốc dặng. Vì vậy các cuộc đại thương trong xứ ta đều nhượng cho Trung Huê và Ấn Độ thâm tóm lợi quyền, mà

^aTrong tác phẩm *Việt Nam Phong tục*, Phan Kế Bính có đề cập đến loại hình này dưới nhan đề “hội tư cấp” [6, tr.188-189].

^bTheo Thi Bá Hành trong *Tiền trang học* (1931) thì tiền trang được định nghĩa như sau: “Tiền trang là xí nghiệp có tính chất công ty vô hạn, tổ chức bằng tiền của một cá nhân hoặc hợp bạn, đều dựa vào tín nhiệm của mình, thu hút vốn liếng ở một phía của xã hội mà cho phía khác vay để điều tiết cung và cầu trong giới tài chính, đồng thời làm việc giao dịch tiền bạc.” [7, tr.21].

^cThuật ngữ giới tinh hoa (từ gốc tiếng Pháp là elite) bài viết này được sử dụng với nguyên nghĩa chỉ một nhóm người có ưu thế về kinh tế, chính trị, giáo dục có sức ảnh hưởng lớn trong xã hội. Ở Nam kì thời thuộc địa, giới tinh hoa người Việt bao gồm giới trí thức, doanh nhân, điền chủ, công chức có sức ảnh hưởng lớn trong xã hội.

trường hưởng phú quý, lạc nghiệp an cư, như một phần hương hỏa của tổ phụ người lưu lại cho đó vậy. Còn người Annam là người bản sở tổ quán xứ này mà không đặng hưởng đúng sự giàu sang thanh lợi, cứ rút vô chỗ thảo gia điền viên mà ra sức cày sâu cuốc bẫm, buồn vụn bán vắn, người nào có phước thì phước đặng ấm dưỡng thế nhi kẻ nào thất thời lại phải bán hàn cực khổ, thiệt là thua sức người ngoại quốc lắm.

... Nay chúng ta muốn tranh đua thắng bại với người Trung Quốc, thì kịp dùng thương mại mà cự địch với chúng nó, còn muốn tranh đua với người Ấn Độ, thì kịp lập cuộc ngân hàng (nhà băng để cho vay).” [8, tr.11-14].

Tuy nhiên, từ lời kêu gọi, vận động đến việc thành lập một ngân hàng hoàn toàn của người Việt đòi hỏi một sự nỗ lực và kiên trì cao độ trong khung cảnh ngột ngạt của chế độ thuộc địa. Tiến trình này kéo dài hàng chục năm, với sự lớn mạnh từng bước của giới tinh hoa bản xứ.

Những thử nghiệm đầu tiên: từ Nông nghiệp tương tế hội (1912) đến dự án Việt Nam Ngân hàng lần thứ nhất (1919)

Nam kì là nơi diễn ra quá trình thuộc địa hóa sớm nhất trong cả nước nên giới tinh hoa ở Nam kì có điều kiện tiếp xúc với lối kinh doanh mới được du nhập. Nông nghiệp là một ngành kinh tế quan trọng ở Nam kì, có lịch sử khai thác lâu dài và được chính quyền thuộc địa quan tâm đầu tư. Đồng thời, do chế độ tước đoạt đất đai được hình thành ngay từ đầu, giới địa chủ ở Nam kì có điều kiện tích lũy về tài sản trở thành một thế lực kinh tế khá mạnh nếu so với nhóm người Việt hoạt động trong khu vực công thương nghiệp. Cho nên, một điều dễ hiểu khi khu vực nông nghiệp lại là nơi sớm nảy sinh nhu cầu về vốn phát triển sản xuất. Để giảm sự phụ thuộc vào nguồn tín dụng của người Hoa, người Ấn, một mô hình quỹ tài chính nông nghiệp được giới điền chủ, công chức người Việt thai nghén và ra đời từ năm 1912.

Vào ngày 27/12/1912, quỹ tín dụng nông nghiệp đầu tiên ra đời ở Mỹ Tho với tên gọi là Hội Nông nghiệp tương tế Mỹ Tho. Mục đích của Hội là:

“Trước hạp các điền chủ mỗi tỉnh. Rồi sau hạp cả các tỉnh làm một hội cực lớn để đối lại với bọn Khách buôn gạo, tìm cách đặt lấy nhà máy, định lấy giá gạo và bán thẳng cho ngoài, không phải qua tay bọn đó.” [9, tr.129-130]

Hội hoạt động theo hình thức công ty thương mại cổ phần, do tri phủ Đoàn Hữu Chung làm chủ tịch hội đồng quản trị. Bên cạnh hội đồng quản trị còn có một ủy ban giám sát của chính quyền Pháp tham gia điều

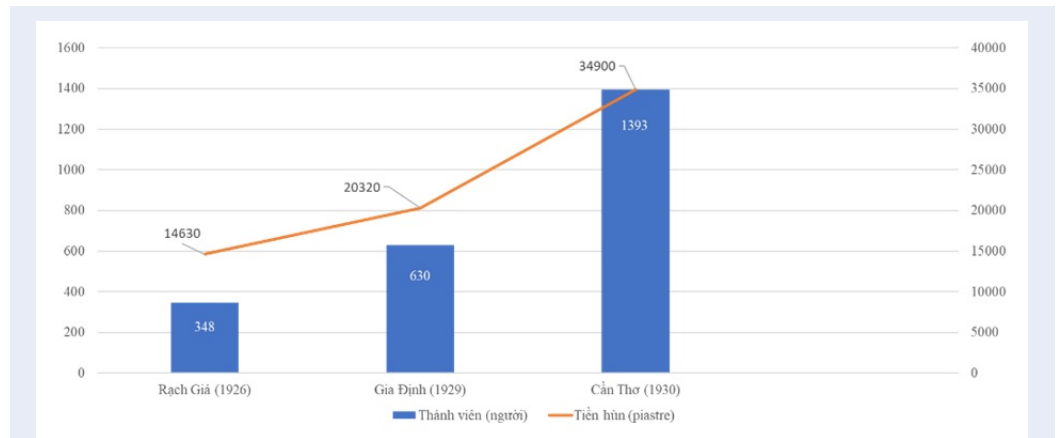
hành công việc. Không chỉ vậy, một số hội tương tế nông nghiệp khác ở Nam kì còn tìm cách cải cách hoạt động sản xuất, đưa các loại hình sinh hoạt kinh tế mới vào nông nghiệp. Hội nông nghiệp tương tế ở Sa Đéc trong điều lệ hoạt động cho biết ngoài việc hỗ trợ tài chính sẽ chú trọng vào việc “cải cách trồng tía, cách dùng phân cùng cách lựa lúa giống; dùng thử những đồ khí cụ tinh xảo cùng các cách thế nào khác đặng làm cho nhẹ công cho nhà nông mà được thêm số huê lợi và bớt sự tổn hao” cũng như “bày cuộc diễn thuyết cùng cách thế chi khác như là: lập hội đấu xảo đồ thổ sản,... đặng mà dạy dỗ dân trong nông nghiệp.” [10, tr.6].

Mô hình của Mỹ Tho nhanh chóng được nhân rộng ra khắp Nam kì. Đến năm 1928, toàn Nam kì có 20 hội nông nghiệp tương tế bản xứ cấp tỉnh được thành lập [11, tr.139]. Thành phần tham gia của các nông nghiệp tương tế hội này chủ yếu là giới công chức, địa chủ, trí thức người Việt bản xứ. Một số nhân vật có địa vị xã hội cao tham gia vào ban quản trị như Hội Nông nghiệp tương tế ở Sa Đéc thành lập năm 1920 do Nghị viên Hội đồng Quản hạt Nam kì Nguyễn Tấn Dực làm chánh hội trưởng; ở Rạch Giá năm 1926 do Nghị viên Hội đồng Quản hạt Nam kì Lê Quang Liêm làm chánh hội trưởng; ở Cần Thơ năm 1930 thì do doanh nhân ngành vận tải Võ Hiếu Để làm hội trưởng... Sự giao thoa giữa các cá nhân này trên những danh nhân khác nhau giúp họ có tích lũy những kinh nghiệm quan trọng trong quá trình hoạt động kinh tế cũng như chính trị. Điển hình như Nguyễn Tấn Dực, một nghị viên sát cánh cùng với Nguyễn Phan Long kịch liệt lên án kế hoạch độc quyền cảng Sài Gòn của nhóm Candelier năm 1923 vì lo sợ ảnh hưởng đến nông nghiệp bản xứ:

“Vậy tôi muốn cho tôi tròn cái nghĩa vụ làm người An-nam, thuộc dân của Đại Pháp, nên tôi phải xin quan trên lưu ý về sự giao quyền vận tải này, là một sự sẽ ảnh hưởng dẫu chưa rõ tới bậc nào, song chắc là trọng hệ lắm, bởi vì sự ấy động tới quyền lợi to tát của nông nghiệp, nghĩa là quyền lợi của cả và dân tộc Annam.” [12, tr.26].

Sức hút của các hội nông nghiệp tương tế ở các tỉnh Nam kì cũng có sự khác nhau tùy thuộc vào hoạt động của ban quản trị cũng như mức độ phát triển nông nghiệp ở từng tỉnh. Có thể theo dõi số lượng hội viên và phần hùn của các hội nông nghiệp tương tế ở Rạch Giá (1926), Gia Định (1929), Cần Thơ (1930) qua biểu đồ ở Hình 1.

Tuy nhiên, do tiềm lực tài chính hạn hẹp của giới điền chủ, công chức người Việt, các quỹ nông tín này chịu chi phối nặng từ nguồn tài lực của Ngân hàng Đông Dương. Từ năm 1923 đến năm 1930, phần góp vốn của các quỹ nông tín này chỉ dao động từ 0,02% đến



Hình 1: Số hội viên và tiền hùn của các hội nông nghiệp tương tế ở Rạch Giá (1926), Gia Định (1929), Cần Thơ (1930) ¹³⁻¹⁵

0,04% so với số vốn mà Ngân hàng Đông Dương cung cấp cho các quỹ nông nghiệp tương tế ở Nam kỳ [11, tr.148]. Đơn cử như Hội Nông nghiệp tương tế Vĩnh Long, theo báo cáo thường niên năm 1926, tiền hùn của hội viên trong tỉnh chỉ có 15.750 đồng trong khi phần vay của Ngân hàng Đông Dương lên tới 351.210 đồng^d. Tỷ lệ phần vốn tự góp chỉ bằng 0,044% phần vốn vay [16, tr.7]. Việc phụ thuộc rất lớn vào nguồn tài chính của Ngân hàng Đông Dương đã phản ánh tính chất của các hội nông nghiệp tương tế ở Nam kỳ tương tự như một đại lý của Ngân hàng Đông Dương. Nhìn chung, những nỗ lực này của giới điền chủ, công chức người Việt ở nông thôn là không thể phủ nhận dù còn khá khiêm tốn và chỉ giới hạn trong lĩnh vực nông nghiệp.

Không chỉ có khu vực nông thôn, những người Việt có tài lực ở khu vực thành thị Nam kỳ cũng tìm cách thoát khỏi vùng trũng tài chính. Sự vận động này lại diễn ra trong một không khí khá đặc biệt của cuộc tẩy chay Khách trú năm 1919. Bất bình từ sự tăng giá đột ngột của một tiệm điểm tâm người Hoa ở Sài Gòn, làn sóng kêu gọi tẩy chay hàng hóa, cửa tiệm người Hoa đã diễn một cách mạnh mẽ khắp Sài Gòn, Chợ Lớn rồi nhanh chóng lan rộng ra Nam kỳ và cả nước. Cũng có một số bài viết kêu gọi tẩy chay luôn các tiệm cầm đồ, cho vay của người Ấn nhưng rất hạn chế, cuộc tranh thương này tập trung chủ yếu vào giới Hoa kiều. Ngày 13/8/1919, trên tờ *Lục tỉnh tân văn*, Lê Hoàng Mưu (1919) viết bài xã luận chính thức kêu gọi tẩy chay các cửa hàng người Hoa ở Sài Gòn – Chợ Lớn:

“Vi biết thẹn chung, hổ chung bởi lời Khách trú ở đậu với ta mà khinh khi ta, nên mấy ngày sau đây, Annam

^dTrong tiểu luận này, đơn vị tiền tệ được sử dụng thống nhất là đồng bạc Đông Dương, gọi tắt là đồng (piastre).

phần nhiều đã tẩy chay Khách trú, không thèm uống và phê Khách trú nữa...”

Hãy tẩy chay Khách trú đi đồng bang, đồng lòng cùng nhau, hiệp ý nhau, làm cho nên, chớ có làm mưa mà mang điếu, mang tiếng cười chê, cười ta, chê ta, nhục nòi giống ta, nước Đông hải rửa như không sạch.” [17, tr.1]

Tờ *La Tribune Indigène* cũng kêu gọi: “Hãy tập hợp lại, đây là sức mạnh của chúng ta, chiến thắng của chúng ta” [18, tr.136]. Phong trào tẩy chay Hoa thương trên báo chí nhanh chóng từ Nam kỳ lan rộng ra cả nước. Hoạt động biểu tình, rải truyền đơn diễn ra ở nhiều nơi với những khẩu hiệu như “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”, “Người Việt Nam không gánh vàng đi đổ sông Ngõ”,... Ở Bắc kỳ, những doanh nhân đóng vai trò chủ chốt trong phong trào này như Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu Thu, Bùi Huy Tín, Nguyễn Huy Hợi... Thậm chí ở Hà Nội, phong trào còn mang khuynh hướng bạo lực, nhiều cửa hàng người Hoa bị đập phá [19, tr.65]. Trên diễn đàn công khai của báo chí, hai bên Hoa – Việt liên tục công kích, tấn công lẫn nhau. Rất dễ nhận ra cuộc đấu tranh kinh tế này của người Việt đã mang đậm màu sắc dân tộc chủ nghĩa. Tâm lý uẩn ức của một cộng đồng bản xứ vừa mất nước lại vừa bị chèn ép về kinh tế vốn hết sức ngột ngạt đã mau chóng được giải phóng qua làn sóng tẩy chay Hoa kiều.

Chính trong bối cảnh này, một lời thách thức do giới thương nhân Hoa kiều đưa ra đã chạm vào sự tự tôn dân tộc của giới tinh hoa người Việt: “Nếu Annam lập được nhà băng thì họ thưởng cho một cái xe hơi 8 chỗ ngồi” [20, tr.10]. Không chịu thua cuộc, một nhóm doanh nhân, điển chủ ở Nam kỳ đã nhóm họp thảo ra tờ chương trình của Ngân hàng Việt Nam, với số vốn

định 10 triệu đồng từ việc huy động 100 vạn cổ phần. Hội đồng sáng lập có Lê Văn Mầu, đốc phủ sứ hưu trí làm chủ hội; Nguyễn Hữu Hào, điền chủ, con rể của Lê Phát Đạt làm phó chủ hội; Nguyễn Văn Cửa, chủ nhà in Union làm thủ quỹ; Nguyễn Phú Khai, tổng lý hãng Thuận Hòa và quản lý tờ *La Tribune Indigène* làm thư ký [21, tr.314]. Một điều đáng lưu ý của dự án này là việc quy định $\frac{1}{4}$ số cổ phần cho người Pháp nào có lòng muốn giúp vốn mở ngân hàng và giao cho viên quản lý người Pháp trông coi hoạt động kinh doanh. Qua đó, có thể thấy nhóm vận động dự án thành lập Việt Nam Ngân hàng năm 1919 muốn dựa vào một phần tài lực của giới tư sản Pháp để cạnh tranh với Hoa kiều. Sức mạnh về kinh tế của giới tinh hoa bản xứ năm 1919 vẫn chưa đủ để họ tự tin tranh thương một cách độc lập và sòng phẳng với Hoa kiều. Tuy nhiên dự án Việt Nam Ngân hàng lần này của nhóm Lê Văn Mầu không thành công, phải mất 8 năm sau nó mới thành hiện thực.

Việt Nam Ngân hàng năm 1927 ra đời: sự kết hợp giữa sức mạnh kinh tế và tinh thần dân tộc của giới tinh hoa người Việt

Sau lời kêu gọi thành lập Việt Nam Ngân hàng năm 1919, giới tinh hoa người Việt ở Nam kì không ngừng phát triển về lực lượng cũng như thực lực về kinh tế và chính trị. Chiến tranh thế giới thứ I (1914-1918) khiến hàng hóa của Pháp không thể qua Đông Dương như trước đó nên người Pháp buộc lòng để các thế lực kinh tế bản xứ tạm thời lấp vào chỗ trống trên thị trường. Qua đó, giới tinh hoa bản xứ từng bước được củng cố cả về kinh tế lẫn chính trị. Cuộc tẩy chay Khách trú năm 1919 là một minh chứng cho sự phát triển về tinh thần dân tộc của giới tinh hoa bản xứ. Lúc này Nam kì, nơi diễn ra quá trình thuộc địa hóa và Tây hóa mạnh mẽ nhất, quy tụ một thế hệ tinh hoa thụ hưởng nền văn hóa phương Tây ở bản xứ hoặc từ Pháp về. Sự xuất hiện của những cái tên như Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, Nguyễn Phú Khai, Nguyễn Háo Vĩnh, Nguyễn An Ninh, Lê Quang Trinh, Nguyễn Tấn Dực, Trịnh Đình Thảo, Tạ Thu Thâu, ... khiến cho đời sống công cộng ở Nam kì diễn ra sôi nổi trên báo chí và cả nghị trường. Từ năm 1921, Nhóm Lập hiến do Bùi Quang Chiêu đứng đầu đã vận động cải tổ chế độ bầu cử và cơ cấu Hội đồng Quản hạt Nam kì. Kết quả trong cuộc bầu cử năm 1922, cử tri đoàn người Việt tăng từ 10.000 lên 20.000 người, ủy viên Hội đồng người Việt tăng lên 10 người [22, tr.361-362]. Nguyễn Phan Long trở thành người Việt đầu tiên giữ chức Phó Nghị trưởng Hội đồng Quản hạt Nam kì. Không chỉ vậy, kế hoạch độc quyền cảng Sài Gòn của người Pháp cũng thất bại

vào năm 1923 dưới sự bắt tay của giới tinh hoa người Việt và giới thương nhân người Hoa. Năm 1925, Bùi Quang Chiêu sang Pháp vận động cải cách cho Đông Dương cũng như xin giấy phép hoạt động chính thức cho Đảng Lập hiến gieo nhiều hi vọng cho sự cải cách ở bản xứ. Làn sóng này đã lên đến cao trào vào năm 1926.

Trong năm 1926 này, hàng loạt các sự kiện liên tiếp diễn ra cho thấy sự dâng cao của phong trào dân tộc ở Nam kì. Phan Châu Trinh một chí sĩ yêu nước được quốc dân ngưỡng mộ sau 14 năm ở Pháp về nước hoạt động từ năm 1925. Trong khoảng thời gian chưa đầy một năm trước khi mất, Phan Châu Trinh đã có 2 bài diễn thuyết thu hút đông đảo người nghe, gây nức tiếng ở Sài Gòn. Tối ngày 24/3/1926, Phan Châu Trinh qua đời, một tang lễ trọng thể được gấp rút chuẩn bị. Cùng lúc này, ngày 25/3/1926, Bùi Quang Chiêu cũng đón tàu từ Pháp về đến cảng Sài Gòn. Liên tiếp, quần chúng Sài Gòn – Chợ Lớn chứng kiến hai cuộc tập hợp lực lượng đông đảo của phong trào chính trị người Việt từ đón tiếp Bùi Quang Chiêu đến đám tang của Phan Châu Trinh. Đầu tháng 4/1926, đám tang Phan Châu Trinh diễn ra có thể coi như một cuộc biểu dương lực lượng đông đảo của quần chúng yêu nước, tiến bộ khi quy tụ đến hàng vạn người từ khắp nơi về Sài Gòn đưa tang chí sĩ yêu nước [23, tr.15-32]. Đời sống chính trị xã hội Nam kì năm 1926 đạt đến một trạng thái mà Nguyễn Ái Quốc gọi là “sự thức tỉnh toàn quốc” khi “chủ nghĩa quốc gia được nói và viết công khai” và lịch sử người Việt Nam “chưa hề được chứng kiến một việc to lớn như vậy” [24, tr.41].

Chính trong bối cảnh phong trào dân tộc đang dâng cao, vấn đề thành lập ngân hàng đầu tiên của người Việt lại được đặt ra. Ngày 08/11/1926, nhóm vận động thành lập họp tại trụ sở của Hội kỹ nghệ gia và doanh nhân An Nam (Association des Industriels et Commerçants Annamites) ở số 76 rue La Grandière, Sài Gòn (nay là đường Lý Tự Trọng) để thành lập Công ty tín dụng An Nam (Société annamite de Crédit). Thành viên sáng lập công ty gồm có: luật sư Paul Monin, kỹ sư Lưu Văn Lang, nghị viên Nguyễn Tấn Văn, doanh nhân Nguyễn Khắc Trương, doanh nhân Lê Văn Gồng, doanh nhân Nguyễn Văn Kiêu, nghị viên Nguyễn Văn Thơm, doanh nhân Lê Kim Danh, nghị viên Lê Quang Liêm, doanh nhân Võ Thành Liêm [25, tr.233].

Một lần nữa cái tên Việt Nam Ngân hàng được sử dụng. Có thể thấy, tinh thần dân tộc đã là một động lực rất quan trọng thôi thúc giới tinh hoa người Việt ở Nam kì thành lập một cơ sở tín dụng hoàn toàn độc lập với tư sản ngoại kiều, nhất là trong bối cảnh chính trị - xã hội đặc biệt của năm 1926. Lời kêu gọi góp vốn

của Việt Nam Ngân hàng trên *Đông Pháp thời báo* đã thể hiện rất rõ điều này:

“Thưa đồng bào,

Việt Nam Ngân hàng là nhà ngân hàng chung cho cả dân tộc Việt Nam chứ chẳng phải là nhà ngân hàng của một số ít người trong xã hội nên ai là người Việt Nam cũng đều có cái bổn phận giúp đỡ vào công cuộc sáng lập Việt Nam Ngân hàng vậy.

Anh em nên nhớ rằng việc làm giàu là việc tối khẩn cho một dân tộc hèn yếu như dân tộc Việt Nam ta ngày nay; trong lưng không sẵn đồng tiền, thì thế ta phải bó gói khoanh tay chờ chưa để mong gì đến tự do độc lập!

Và lại, thời buổi này là thời buổi cần phải hành động; anh em thử liếc mắt chung quanh ta thì thấy các nước người ta đều cạnh tranh xô xát, hoạt động tung bùng, nếu chúng ta muốn tránh cho khỏi cái họa diệt chủng vong gia, thì há cứ ngồi y mà “nói dóc?” [26, tr.2]

Nhóm vận động thành lập Việt Nam Ngân hàng kêu gọi góp vốn tại Ngân hàng Đông Dương và các chi nhánh tại Sài Gòn, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hải Phòng, Phnom Penh hoặc nhà in Union của Nguyễn Văn Cù ở Sài Gòn.

Sau một thời gian kêu gọi góp vốn, ngày 24 và ngày 25/8/1927, hội nghị lần thứ hai được triệu tập đánh dấu sự ra đời của Việt Nam Ngân hàng và thông qua danh sách ban quản trị gồm có Trần Trinh Trạch làm chủ tịch, Nguyễn Tấn Văn phó chủ tịch và Nguyễn Văn Cù làm quản lý ủy viên; ban quản lý gồm: Trần Trinh Trạch, Nguyễn Văn Cù, Trương Tấn Vị, Ngô Trung Tính, Nguyễn Tấn Văn, Nguyễn Văn Thơm, Nguyễn Hữu Đò, Võ Hà Trị [29, tr.2]. Việt Nam Ngân hàng chính thức khai trương hoạt động kể từ ngày 01/9/1927.

So với lời kêu gọi năm 1919, Việt Nam Ngân hàng đã chính thức thành lập và hoàn toàn do người Việt làm chủ và điều hành, phản ánh sự trưởng thành và sức mạnh kinh tế của giới tinh hoa bản xứ. Đồng thời, qua danh sách thành viên ban quản trị của Việt Nam Ngân hàng năm 1927 có thể thấy sự xuất hiện của các nhân vật, thế lực kinh tế lớn của người Việt đã từng tham gia vào dự án Việt Nam Ngân hàng năm 1919 như Nguyễn Văn Cù, gia tộc của Lê Phát Đạt hoặc là người có tài lực lớn như Huỳnh Đình Khiêm, Trần Trinh Trạch. Huỳnh Đình Khiêm là nghiệp chủ lớn ở Gò Công, góp cho Việt Nam Ngân hàng 30.000 đồng để lập hội, do đó được cử làm Chánh danh dự hội trưởng [30, tr.3] còn Trần Trinh Trạch là đại diện chủ nức tiếng ở Bạc Liêu. Nguyễn Văn Cù là một công chức thuộc địa ở Sài Gòn đã đứng ra thành lập tờ *Nam Trung nhật báo* vào năm 1917, mua lại nhà in Union của Nguyễn Văn Việt vào năm 1918 và tờ *Lục tỉnh tân văn* năm 1919. Nguyễn Văn Cù trở thành

một trong những doanh nhân người Việt thành công nhất trên cả thương trường lẫn chính trường ở Nam kì^{31e}. Trong khi đó cả Nguyễn Hữu Hào và Lê Phát An đều là thành viên của gia tộc Lê Phát Đạt, một đại gia tộc giàu có và quyền thế nhất nhì ở Nam kì về sau trở thành thông gia với hoàng gia triều Nguyễn khi Nguyễn Hữu Thị Lan được gả cho hoàng đế Bảo Đại. Sự xuất hiện và tính tiếp nối của những thế lực kinh tế - chính trị lớn ở Nam kì trong hai dự án Việt Nam Ngân hàng năm 1919 và 1927 đã phản ánh ý chí và nỗ lực mong muốn có một ngân hàng đầu tiên của người Việt đồng thời cũng là bảo chứng về uy tín cho hoạt động tín dụng của công ty (xem thêm Hình 2).

Về hoạt động kinh tế, nhờ ra sức kêu gọi, đánh vào tâm lý ngân hàng đầu tiên của người Việt, Việt Nam Ngân hàng kinh doanh khá hiệu quả. Trong ba năm đầu tiên 1928; 1929 và 1930, lợi nhuận kinh doanh từng năm so với số vốn ban đầu của Ngân hàng này lần lượt là 7,28% (1928); 15,26% (1929) và 18,84% (1930) [32, tr.3]. Đến tháng 6 năm 1930, số tiền gửi vào Ngân hàng là 826.783,62 đồng, gấp 3,01 lần so với năm đầu tiên hoạt động [32, tr.11]. Nhờ vào hiệu quả kinh doanh, ban quản trị của Công ty tín dụng An Nam còn mạnh dạn mở thêm Việt Nam Công ty bảo hiểm xe hơi vào năm 1929 với số vốn là 200.000 đồng; mở chi điểm ở Vĩnh Long ngày 01/6/1930; gọi vốn thành lập công ty Việt Nam Bất động sản năm 1931. Ngay sau khi ra đời, thực lực kinh tế và khả năng quản lý của những người sáng lập, điều hành Việt Nam Ngân hàng như được thử thách khi đối mặt với cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới giai đoạn 1929-1933. Một loạt các biện pháp thắt chặt quản lý được đưa ra như đóng cửa chi nhánh ở Vĩnh Long trong năm 1931 [30, tr.5]; đình lại dự án thành lập công ty Việt Nam Bất động sản trong năm 1932 khi đã kêu gọi được một lượng vốn nhất định [33, tr.10]. Lợi nhuận của công ty trong thời kì khủng hoảng cũng bắt đầu đi xuống (xem Hình 3). Tuy nhiên trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp phải phá sản, thua lỗ nhưng hoạt động kinh doanh của Việt Nam Ngân hàng vẫn thu về lợi nhuận đã cho thấy sức sống của tổ chức này cũng như khả năng lèo lái vượt qua khủng hoảng của ban quản trị Việt Nam Ngân hàng.

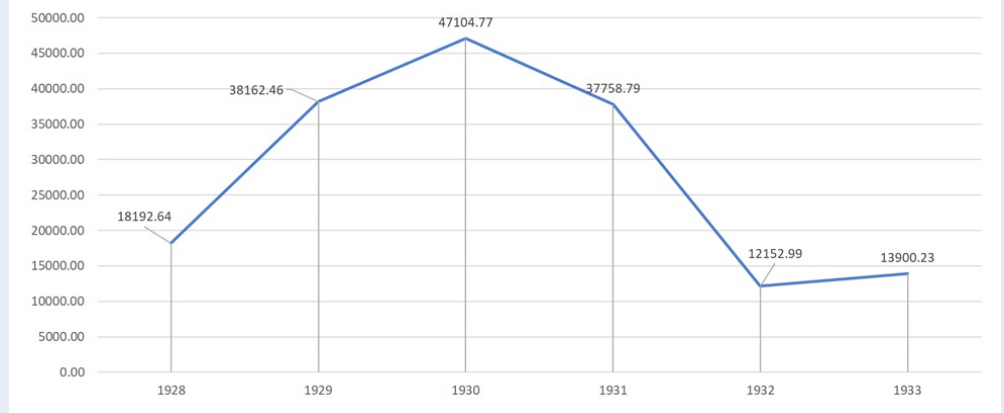
Sau khi kinh tế Đông Dương thoát khỏi quỹ đạo khủng hoảng, tình hình kinh doanh của Việt Nam Ngân hàng dần phục hồi. Hoạt động kinh doanh của Việt Nam Ngân hàng đến năm 1942 vẫn đem lại lợi nhuận dù gặp nhiều khó khăn kể từ khi Nhật vào Đông Dương, cụ thể xem Bảng 1.

Mang tinh thần dân tộc cao độ, ban quản trị Việt Nam Ngân hàng cũng tích cực tham gia các hoạt động xã

^eTới năm 1930, Nguyễn Văn Cù không còn đứng tên trong ban quản trị của Việt Nam Ngân hàng.



Hình 2: Thông tin ban quản trị Việt Nam Ngân hàng qua tài liệu hội đồng thường niên năm 1928²⁷ và mẫu quảng cáo Việt Nam Ngân hàng trên tờ *Tân văn* năm 1935 [28, tr.10].



Hình 3: Tình hình lợi nhuận của Việt Nam Ngân hàng giai đoạn 1929-1933 (đơn vị: đồng Đồng Dương). Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo đại hội thường niên Việt Nam Ngân hàng năm 1930 [32, tr.3], 1931 [30, tr.11], 1932 [33, tr.15], 1933 [34, tr.13].

Bảng 1: Tình hình kinh doanh của Việt Nam Ngân hàng trong giai đoạn 1938-1942 [35, p. 403-404].

	Lãi ròng (nghìn đồng)	Tổng cổ tức (nghìn đồng)	Cổ tức ròng	
			Tổng (nghìn đồng)	Mỗi cổ phiếu (đồng)
1938-1939	29	22,2	20,0	2,0
1939-1940	29,9	22,9	20,0	2,0
1940-1941	27,2	17,2	15,0	1,5
1941-1942	21,9	15,6	12,5	1,25

hội do giới tinh hoa người Việt phát động. Năm 1929, tờ *Phụ nữ tân văn* của vợ chồng thương gia Nguyễn Đức Nhuận vừa ra đời đã phát động thành lập Quỹ học bổng *Phụ nữ Việt Nam*. Trong bài “Phất cờ bác ái”, ban biên tập *Phụ nữ tân văn* đã kêu gọi:

“Chúng tôi quả quyết nói lớn rằng: có một cách cứu vớt, một cách lo liệu: cứu vớt bằng sự giáo dục, lo liệu cho việc giáo dục được hoàn toàn, được ích lợi....

Chúng tôi tuy tài hèn sức mọn, song nếu đồng bào cho lời bày tỏ trên này là phải, thì chúng tôi dám quả quyết với đồng bào rằng: trong hạn 90 ngày, chúng tôi đã có thể lập học bổng cho học sinh nghèo được đi du học.” [36, tr.17]

Hưởng ứng lời kêu gọi của báo *Phụ nữ tân văn*, Việt Nam Ngân hàng cũng ra thông cáo cho vay lâu dài, giao tiền theo từng đợt để giúp học sinh người Việt đi du học ở nước ngoài. Người vay có thể về nước trả một lần hay trả góp theo tháng. Số lượng cho vay dự kiến là 20 người xét hồ sơ từ tháng 2/1929 [37, tr.8]. Một vài thành viên trong ban quản trị, điều hành Việt Nam Ngân hàng cũng tham gia hội đồng tuyển chọn học bổng như Nguyễn Văn Cửa, Nguyễn Tấn Văn. Trong số 20 thí sinh tham dự xét tuyển học bổng, hai học sinh Nguyễn Hiếu ở Thái Bình và Lê Văn Hai ở Thủ Dầu Một cùng đạt số điểm như nhau nên cả hai cùng nhận học bổng sang Pháp. Nguyễn Hiếu sang Paris học tại trường Trung học Janson de Sailly còn Lê Văn Hai thì học ở tỉnh Bordeaux [38, tr.7].

Không chỉ dừng lại ở đây, để hỗ trợ học sinh du học ở Pháp, Việt Nam Ngân hàng còn phối hợp với nhà đại lý Comptoir National d'Escompte de Paris ở các địa phương Pháp cho các du học sinh đến lãnh tiền sinh hoạt gia đình gửi cho Việt Nam Ngân hàng ở Sài Gòn. Thể thức cho học sinh du học vay sang Pháp cũng được công ty bổ sung và hoàn thiện thành một hạng mục kinh doanh chính thức với nhiều ưu đãi riêng biệt như hạn mức vay tối đa 8.000 đồng trong vòng 10 năm; được trả chậm 1 năm sau ngày tổng kết tiền vay để người học có thời gian tiền kiếm công việc... [33, tr.19-21]. Như vậy, ngay từ khi ra đời, Việt Nam

Ngân hàng đã cho thấy tính chất gắn kết giữa hoạt động kinh doanh với thúc đẩy sự tiến bộ của người Việt thời thuộc địa.

Tuy nhiên, dầu ghi nhận cố gắng thành lập và duy trì hoạt động của nhóm vận động và quản trị Việt Nam Ngân hàng, một thực tế phải thừa nhận rằng nếu so sánh với các ngân hàng của giới tài chính người Pháp và Hoa thì thực lực kinh tế của Việt Nam Ngân hàng còn hết sức khiêm tốn. Không tính đến Ngân hàng Đông Dương, các ngân hàng, công ty tài chính khác có mặt ở Việt Nam thời thuộc địa đều có số vốn huy động lớn hơn rất nhiều so với Việt Nam Ngân hàng như Ngân hàng Chartered (75 triệu francs), Trung Pháp Công thương ngân hàng (50 triệu francs), công ty tín dụng d'Extrême-Orient (3,3 triệu francs)... [39]. Dù rất nỗ lực nhưng tiềm lực tài chính của Việt Nam Ngân hàng còn hạn chế, có khoảng cách quá lớn so với các công ty tài chính, ngân hàng ngoại quốc. Công ty tín dụng An Nam cũng chỉ có hội sở ở Sài Gòn từ khi chi điểm ở Vinh Long đóng cửa (1931). Ngân hàng này tiếp tục hoạt động ở Nam kì sau khi chế độ thuộc địa kết thúc vào năm 1945 (xem Hình 4).

KẾT LUẬN

Từ một cộng đồng thích ứng chậm với những thay đổi do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mang lại, trong vòng 3 thập niên đầu của thế kỷ XX, nhiều cuộc vận động, kêu gọi người Việt thay đổi tư duy và sinh hoạt kinh tế đã diễn ra ở Nam kì. Để có thể mở rộng sản xuất, đầu tư thiết bị máy móc sản xuất, việc vay vốn từ các tổ chức tài chính chuyên nghiệp là một khuynh hướng tất yếu. Tuy nhiên, ở lĩnh vực tài chính, giới doanh nhân ngoại kiều đều thâu tóm và kiểm soát chặt chẽ. Đến đầu thế kỷ XX, tài chính vẫn là một vùng trũng trong đời sống kinh tế của người Việt.

Trước thực tế đó, sự ra đời của hội nông nghiệp tương tế ở Nam kì và nhất là Việt Nam Ngân hàng (1927) đã cho thấy sự nỗ lực rất lớn của người Việt để thoát khỏi hạn chế này. Một chặng đường rất dài và gian nan từ



Hình 4: Trụ sở của Việt Nam Ngân hàng ở Sài Gòn thập niên 1950 qua bưu ảnh của Pháp⁴⁰

sự ra đời đầu tiên của nông nghiệp tương tế hội ở Mỹ Tho (1912) đến hai lần vận động kêu gọi thành lập Việt Nam Ngân hàng năm 1919 và 1927. Chặng đường này diễn ra đồng thời và song song với sự trưởng thành, lớn mạnh của giới tinh hoa người Việt ở Nam kì. Việt Nam Ngân hàng chính thức ra đời năm 1927 là sự kết tinh của tinh thần dân tộc đang dâng cao và sức mạnh kinh tế qua quá trình tích lũy lâu dài của giới điền chủ, doanh nhân cũng như sự kêu gọi của giới trí thức người Việt. Nhưng trên một bình diện rộng lớn hơn của nền tài chính Việt Nam thời thuộc địa, các cơ sở tài chính của người Việt như Việt Nam Ngân hàng vẫn còn hết sức khiêm tốn nếu so với các ngân hàng, công ty tài chính ngoại quốc./

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bài viết không có từ viết tắt.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bài báo này không có xung đột lợi ích.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả đã xử lý các tài liệu hoạt động do Việt Nam Ngân hàng ấn hành trong thời gian hoạt động, cũng như các tài liệu báo chí đương thời. Từ nguồn tài liệu này, tác giả đã xử lý các dữ liệu liên quan để thực hiện việc nghiên cứu của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khanh NV. Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945). Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội. 1999;.

2. Daniel L. The Chinese, the Indians and the French Exchange control during the French Indochinese war or how to endure, fight and mock the Colonial Power (1945-1954), Essays on colonial domination and Asian agency, Finland: Amsterdam University Press. 2009;.
3. Hongkong Daily Press. The Directory & Chronicle for China, Japan, Korea, Indochina, Straits Settlements, Malay states, Siam, Netherlands India, Borneo, The Philippines, &c for the year 1912. Hong Kong: The Hongkong Daily Press Office. 1912;.
4. Hai C. Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam. Hà Nội: Khoa học Xã hội. 1992;.
5. Anh DD. Việt Nam văn hóa sử cương, Quan Hải Tùng thư, Huế: Imprimerie du Mirador. 1938;.
6. Binh PK. Việt Nam phong tục. Hà Nội: Văn học. 2005;.
7. Quang TM. Lịch sử tiền trang, TP.HCM: Trẻ. 2001;.
8. Tu TD. Thượng trường bại tích. Trong: Minh Tân tiểu thuyết. Sài Gòn: Phát Toán. 1907;.
9. Nam Phong tạp chí. 1919;20:129-130.
10. Nông nghiệp tương tế hội Sa Đéc. Sa Đéc Nông nghiệp tương tế hội Điều lệ. Sa Đéc: Nguyễn Duy Minh. 1930;.
11. Trung PQ. Tổ chức Nông tin tương hỗ ở Nam kỳ trong thời Pháp thuộc. Trong: Viện Sử học. Nông dân và nông thôn Việt Nam thời cận đại, Hà Nội: Khoa học Xã hội. 1993;.
12. Long NP - Duoc NT. Khảo cứu về tờ giao ước nhượng quyền vận tải lúa, gạo, cám và bắp trong Thương khẩu Saigon-Cholon. Sài Gòn: J. Nguyễn Văn Viết. 1924;.
13. Nông nghiệp Tương tế và Nông nghiệp Tương tế Ngân hàng Hội Rạch Giá. Tờ phúc trình chung niên năm. Sài Gòn: Xua Nay. 1926;.
14. Gia Định Canh nông ngân hàng tương tế hội. Sách chung niên 1929. Sài Gòn: Đức Lưu Phương. 1929;.
15. Hội Bốn quốc nông nghiệp tương tế Ngân hàng Cần Thơ. Tờ kết chứng đại hội nhóm ngày 5 Février 1931. Cần Thơ. An Hà. 1931;.
16. Hội Nông nghiệp tương tế Vĩnh Long. Nông nghiệp tương tế hội và nông nghiệp tương tế ngân hàng tỉnh Vĩnh Long: Tờ

- kiết chứng đại hội Vinh Long. Sài Gòn: J. Nguyễn Văn Viết, Sài Gòn. 1927.
17. Muu LH. Khách trú thị nhục ta. báo Lục tỉnh tân văn. 1919;
 18. Peycam PMF. Làng báo Sài Gòn 1916-1930, TP.HCM: Trẻ. 2015;
 19. Nghiệp BC. Hoạt động kinh tế của giai cấp tư sản Việt Nam đầu thế kỷ XX qua dòng báo chí kinh tế Hà Nội, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, ĐH KHXH&NV - ĐHQG Hà Nội. 2014;
 20. Phụ nữ tân văn. 1930;41:10.
 21. Nam Phong tạp chí. 1919;28:314.
 22. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I. Tổ chức bộ máy các cơ quan trong chính quyền thuộc địa ở Việt Nam qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1862-1945). Hà Nội: Hà Nội. 2013;
 23. Rieu ND. Phan Châu Trinh lịch sử quốc gia huyết lệ. Sài Gòn: Xưa Nay. 1926;
 24. Hồ Chí Minh. Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản về phong trào cách mạng ở An Nam. Trong: Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3. Hà Nội: Chính trị Quốc gia. 2011;
 25. Hiep ND. Lịch sử doanh nghiệp và công nghiệp ở Sài Gòn và Nam kì từ giữa thế kỷ XIX đến năm 1945. TP.HCM: Tổng hợp TP.HCM. 2018;
 26. Đông Pháp thời báo. 1927;567:2.
 27. Công ty tín dụng An Nam. Tình hình hoạt động công ty năm 1928. Sài Gòn: Xưa Nay. 1928;
 28. Báo Tân văn. 1935;42:10.
 29. Báo Tiếng dân. 1927;11(2).
 30. Công ty tín dụng An Nam. Đại hội đồng thường niên của công ty Việt Nam Ngân hàng năm 1931. Sài Gòn: Đức Lưu Phương. 1931;
 31. Cua NV. 2019; Available from: <http://entreprises-coloniales.fr/inde-indochine/Nguyen-van-Cua.pdf>.
 32. Công ty tín dụng An Nam. Đại hội đồng thường niên năm thứ 3 của công ty Việt Nam Ngân hàng năm 1930. Sài Gòn: Đức Lưu Phương. 1930;
 33. Công ty tín dụng An Nam. Đại hội đồng thường niên của công ty Việt Nam Ngân hàng năm 1932. Sài Gòn: Đức Lưu Phương. 1932;
 34. Công ty tín dụng An Nam. Đại hội đồng thường niên của công ty Việt Nam Ngân hàng năm 1933. Sài Gòn: Đức Lưu Phương. 1933;
 35. Direction des Services Économiques de L'Indochina. Bulletin économique de l'Indochine. fascicule 3. Hà Nội: d'Extrême Orient. 1943;
 36. Phụ nữ tân văn. 1929;3:17.
 37. Phụ nữ tân văn. 1929;18:8.
 38. Phụ nữ tân văn. 1929;68:7.
 39. ; Available from: www.entreprises-coloniales.fr.
 40. ; Available from: <https://www.akpool.co.uk/postcards/26432955-postcard-saigon-cochinchine-vietnam-la-societe-annamite-de-credit>.

Efforts of the Vietnamese in finance sector in Cochinchina during the colonial period: the case of Vietnam Bank (Société annamite de crédit)

Vo Phuc Toan *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

In feudal society, Vietnamese spent the most care on study Confucism to become courting and agriculture production. Trade and handicrafts were considered secondary in the economic thinking of Vietnamese. When capitalism followed France's conquest path into Vietnam, Vietnamese became a community that adapted slowly to change in the economy. Among difficulties of the reforming thinking and economic activities process, the finance sector was considered the most restrictive field of Vietnamese. In 1912, the Association of Mutual Agriculture was born in Cochinchina became the first experiment of Vietnamese in the finance sector. However, due to the limited financial potential, these agricultural associations depend on loans from Indochina Bank. In 1919, with the rising national spirit in the movement to boycott Chinese overseas, the plan to set up a financial association named the Vietnam Bank had appeared but was unsuccessful. Eight years later, the first bank of Vietnamese, still called by Vietnam Bank (Société annamite de crédit), was established, reflecting Vietnamese's efforts to build an independent financial association from foreign entrepreneurs. This result is a combining economic strength and national spirit rising in the patriotic movement of indigenous elites in the late 1920s.

Key words: the Association of Mutual Agriculture, Vietnam Bank (Société annamite de crédit), Cochinchina, indigenous elites, nationism

University of Social Sciences & Humanities, VNU-HCM, Vietnam

Correspondence

Vo Phuc Toan, University of Social Sciences & Humanities, VNU-HCM, Vietnam

Email: vophuctoan@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 3/11/2020
- Accepted: 17/3/2021
- Published: 31/3/2021

DOI : 10.32508/stdjssh.v5i1.651



Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Toan V P. Efforts of the Vietnamese in finance sector in Cochinchina during the colonial period: the case of Vietnam Bank (Société annamite de crédit). *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 5(1):975-985.